

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 16 – 9 - 2020  
“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lữ Thành Đồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Ngọc Anh

2. Ông Trương Văn Chung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ tham gia phiên tòa:* Bà Võ Huỳnh Anh Thư - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Trọng M, sinh năm: 1987 (có mặt)

Cư trú: Ấp 1, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim Ú, sinh năm: 1982 (có mặt)

Cư trú: Ấp 1, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Cư trú: Ấp 12, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Trần Trọng M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị Ú tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2003, có ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang ngày 14/8/2014. Thời gian đầu chung sống cũng rất hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 thì vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Hiện anh M không còn tình cảm gì với chị Ú, nên anh M yêu cầu ly hôn với chị Ú.

Về con chung: Có 03 cháu tên Trần Thị Thảo V (nữ), sinh ngày 11/02/2006; Trần Trọng M (nam) sinh ngày 28/6/2014; Trần Trọng M (nam) sinh ngày 28/6/2014, hiện đang sống với gia đình. Khi ly hôn anh M đồng ý giao cho chị Ú tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Kim Ú trình bày:*

Chị Ú thống nhất với lời trình bày của anh M về quan hệ hôn nhân, cũng như con chung là đúng. Theo chị Ú thì anh M có người phụ nữ khác bên ngoài. Anh chị cũng nhiều lần hàn gắn lại với nhau cùng xây dựng gia đình, nhưng ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn làm cho cuộc sống hôn nhân của anh chị không thể tiếp tục sống chung.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ú đồng ý ly hôn.

Về con chung: Yêu cầu được nuôi, chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Có nợ chị Nguyễn Thị Kim Th số tiền 20.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24K (loại SJC). Chị Ú yêu cầu chia đôi theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị Ú không đồng ý ly hôn; con chung xin được nuôi, chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim Th trình bày:*

Vào ngày 18/9/2011 chị Th có cổ của vợ chồng anh M và chị Ú 02 công đất tầm 03 m với giá 20 chỉ vàng 24K (loại SJC), khi cổ có làm giấy tay, chị Th đã giao đủ vàng cho anh M và chị Ú. Cổ đất xong thì chị Th cho anh M và chị Ú thuê lại với giá 3.000.000 đồng/02 công/năm. Đến năm 2016 chị Ú có trả lại cho chị Th được 05 chỉ vàng 24K (loại SJC), còn nợ lại 15 chỉ vàng 24K (loại SJC). Riêng tiền thuê đất từ năm 2011 đến nay 09 năm là 27.000.000 đồng nhưng chị Th chỉ yêu cầu trả 20.000.000 đồng.

Ngoài ra vào khoảng năm 2015 chị Th có cho vợ chồng anh M, chị Ú mượn số tiền 20.000.000 đồng, khi cho mượn không có làm giấy tờ gì. Từ khi cho mượn đến nay thì anh M, chị Ú chưa trả khoản tiền nào cho chị Th.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Th có yêu cầu giải quyết buộc chị Ú và anh M có trách nhiệm trả cho chị số vàng cổ đất là 15 chỉ vàng 24K (loại SJC), tiền thuê đất là 20.000.000 đồng, tiền mượn là 20.000.000 đồng. Sau đó chị Th có văn bản không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ kiện này, khi nào có tranh chấp chị Th sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Trọng M, cho anh M được ly hôn với chị Ú. Về con chung: Giao 03 con chung là Trần Thị Thảo V (nữ), sinh ngày 11/02/2006; Trần Trọng M (nam) sinh ngày 28/6/2014; Trần Trọng M (nam) sinh ngày 28/6/2014 cho chị Ú được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Ú chưa yêu cầu nên chưa xem xét. Về tài sản chung: có nhưng chưa yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn anh Trần Trọng M phải nộp theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá và nhận định về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Trọng M yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim Ú. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” được Luật Hôn nhân và gia đình điều chỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Trọng M thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Trọng M và chị Nguyễn Thị Kim Ú tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân

của anh chị là hợp pháp, vợ chồng anh chị đã duy trì quan hệ hôn nhân được một thời gian, có con chung, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chị không thể hàn gắn được. Căn cứ vào kết quả xác minh, lời trình bày của đương sự có đủ cơ sở chứng minh rằng quan hệ của anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên không thể tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay anh M cho rằng ngoài việc mâu thuẫn do chị Ú ghen tuông vô cớ thì vợ chồng anh chị còn bất đồng quan điểm, mất niềm tin lẫn nhau và mâu thuẫn trong vấn đề tiền bạc nên anh M cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị Ú. Chị Ú cho rằng còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn nhưng chị Ú đồng ý cho anh M có người phụ nữ khác nhưng không được dẫn về nhà. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Nhận thấy anh M và chị Ú đã có thời gian mâu thuẫn kéo dài, nhưng anh chị không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng và mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Ú cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã thực sự trầm trọng.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Ú yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và được anh M đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi sinh ra thì các cháu sống chung với vợ chồng anh chị. Hơn nữa, cháu Trần Thị Thảo V trên 07 tuổi, nguyện vọng của cháu khi cha mẹ ly hôn là được sống chung với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống của các cháu nên hội đồng xét xử thống nhất giao 03 con chung là Trần Thị Thảo V (nữ), sinh ngày 11/02/2006; Trần Trọng M (nam) sinh ngày 28/6/2014; Trần Trọng M (nam) sinh ngày 28/6/2014 cho chị Ú được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh M chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Ú chưa yêu cầu.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh M cho rằng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Riêng chị Ú cho rằng vợ chồng có tài sản chung và yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật. Do đó, Tòa án có thông báo yêu cầu bị đơn đến Tòa án để trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan và làm thủ tục giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung. Tuy nhiên, từ khi nhận thông báo đến nay bị đơn không đến Tòa án để làm thủ tục yêu cầu chia tài sản chung. Tại phiên tòa hôm nay, chị Ú thống nhất không yêu cầu

chia tài sản chung. Do đó, hội đồng xét xử thống nhất tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng thống nhất có nợ. Tuy nhiên, Tòa án có thông báo cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến Tòa án để trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan và làm thủ tục giải quyết đối với yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, từ khi nhận thông báo đến nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án để làm thủ tục yêu cầu và sau đó thì người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn không yêu cầu độc lập gửi cho Tòa án. Do đó hội đồng xét xử thống nhất tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn Trần Trọng M phải nộp 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng).

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH;**

Căn cứ: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Trọng M, cho anh Trần Trọng M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim Ú.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Thảo V (nữ), sinh ngày 11/02/2006; Trần Trọng M (nam) sinh ngày 28/6/2014; Trần Trọng M (nam) sinh ngày 28/6/2014 cho chị Ú được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Trọng M chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Ú chưa yêu cầu.

Về tài sản chung: Chưa yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chưa yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Trần Trọng M phải nộp 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) được chuyển từ tạm ứng án phí sang án phí theo lai thu số 0001882 phiếu lập ngày 16/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/9/2020). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h.Long Mỹ;
- Chi cục THADS h.Long Mỹ;
- UBND xã Xà Phiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Lữ Thành Đồng**